

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1208/QĐ-UB-NC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ
V/v ban hành quy định tạm thời về tổ chức và hoạt động
của Hội đồng hòa giải lao động cơ sở

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994 ;
- Căn cứ Chương XIV “Giải quyết tranh chấp lao động” của Bộ Luật Lao động được Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 5/7/1994 và trong khi chờ hướng dẫn của Chính phủ ;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và xã hội và Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền thành phố (tờ trình số 16/TCCQ ngày 22 tháng 01 năm 1997) ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành “Quy định tạm thời về tổ chức và hoạt động của Hội đồng hòa giải lao động cơ sở” kèm theo quyết định này.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sẽ bổ sung, sửa đổi khi Chính phủ có văn bản hướng dẫn.

Điều 3.- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền thành phố, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và xã hội, Chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố, Giám đốc các sở ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Q. CHỦ TỊCH
Võ Viết Thanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 1997

QUY ĐỊNH TẠM THỜI
VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG HÒA GIẢI
LAO ĐỘNG CƠ SỞ

(Ban hành kèm theo quyết định số 1208/QĐ-UB-NC
ngày 18/3/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Hội đồng hòa giải lao động cơ sở được thành lập ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có sử dụng từ 10 người lao động trở lên.

CHƯƠNG II
NHIỆM VỤ

Điều 2.- Hội đồng hòa giải lao động cơ sở thực hiện nhiệm vụ hòa giải, giải quyết các vụ tranh chấp lao động cá nhân giữa cá nhân người lao động với người sử dụng lao động và tranh chấp lao động tập thể giữa tập thể lao động với người sử dụng lao động về quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác, về thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước tập thể và trong quá trình học nghề.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG HÒA GIẢI LAO ĐỘNG CƠ SỞ

Điều 3.- Thành phần Hội đồng hòa giải lao động cơ sở gồm số đại diện ngang nhau của :

a) Bên người sử dụng lao động là Giám đốc doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền theo điều lệ tổ chức doanh nghiệp hoặc có giấy ủy quyền của Giám đốc.

b) Bên người lao động do Ban chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc tổ chức Công đoàn lâm thời chọn đề cử tham gia Hội đồng hòa giải lao động cơ sở, có thể chọn trong số những người lao động.

Đại diện bên người lao động có thể :

- + Là thành viên của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở.
- + Là người am hiểu pháp luật, nắm chắc các chế độ chính sách lao động.
- + Là người hiểu biết được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 4.- Số lượng thành viên của Hội đồng hòa giải lao động cơ sở nhiều hay ít do thỏa thuận của hai bên, căn cứ vào quy mô của doanh nghiệp.

Khi hai bên đã thỏa thuận về số lượng và đưa ra các đại diện thì lập biên bản.

Hai bên cùng ký biên bản thành lập Hội đồng hòa giải lao động cơ sở, gửi cho Sở Lao động-Thương binh và xã hội và Liên đoàn Lao động thành phố hoặc gửi cho Phòng Lao động-Thương binh và xã hội và Liên đoàn Lao động quận, huyện theo phân cấp quản lý doanh nghiệp như sau :

- Đối với các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty và doanh nghiệp Nhà nước do quận, huyện quản lý thì biên bản thành lập Hội đồng hòa giải lao động cơ sở gửi cho Phòng Lao động-Thương binh và xã hội và Liên đoàn Lao động quận, huyện.

- Đối với các doanh nghiệp Nhà nước do thành phố quản lý, các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ ngành Trung ương trú đóng trên địa bàn thành phố và các doanh nghiệp thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài thì biên bản thành lập Hội đồng hòa giải lao động cơ sở gửi cho Sở Lao động-Thương binh và xã hội thành phố và Liên đoàn Lao động thành phố.

Hội đồng hòa giải lao động cơ sở làm việc theo nguyên tắc thỏa thuận và nhất trí.

Điều 5.- Nhiệm kỳ của Hội đồng hòa giải lao động cơ sở là 2 năm. Mỗi bên luân phiên cử người đại diện của mình làm Chủ tịch và Thư ký Hội đồng. Đại diện của bên này làm Chủ tịch thì bên kia làm Thư ký. Hết nhiệm kỳ thì tổ chức thành lập lại.

Danh sách của Hội đồng hòa giải lao động cơ sở được công bố cho mọi người lao động trong doanh nghiệp biết.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu thay thế đại diện của mình trong Hội đồng hòa giải lao động cơ sở và phải thông báo cho bên kia để thỏa thuận, nhất trí thay đổi thành viên Hội đồng hòa giải lao động cơ sở đồng thời báo cho Sở Lao động-Thương binh và xã hội và Liên đoàn Lao động thành phố hoặc báo cho Phòng Lao động-Thương binh và xã hội và Liên đoàn Lao động quận, huyện theo phân cấp quản lý như quy định tại Điều 4 của bản quy định này.

Điều 6.- Người sử dụng lao động tạo mọi điều kiện thuận lợi và kinh phí cần thiết để Hội đồng hòa giải lao động cơ sở hoạt động như : địa điểm làm việc, hành chánh phí ...

Kể từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ tranh chấp, nếu các thành viên phải nghỉ việc để tham gia công việc của Hội đồng hòa giải lao động cơ sở, các thành viên vẫn được trả lương đầy đủ.

CHƯƠNG IV PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH HÒA GIẢI

Điều 7.- Hội đồng hòa giải lao động cơ sở tiến hành hòa giải tranh chấp lao động khi một hoặc hai bên có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động.

Điều 8.- Hội đồng hòa giải lao động cơ sở có quyền :

+ Tìm hiểu vụ việc, gặp gỡ các bên tranh chấp (người sử dụng lao động, người lao động hoặc Ban chấp hành Công đoàn).

+ Thu thập tài liệu chứng cứ.

+ Giám định các tài liệu chứng cứ nếu thấy cần thiết.

Điều 9.- Trong quá trình tìm hiểu vụ việc, người sử dụng lao động và người lao động có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ có liên quan theo yêu cầu của Hội đồng hòa giải lao động cơ sở.

Điều 10.- Sau khi tìm hiểu vụ việc, Hội đồng hòa giải lao động cơ sở căn cứ vào Bộ Luật Lao động và các văn bản pháp luật có liên quan, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, nội dung vụ việc và nguyện vọng của các bên để đưa ra phương án hòa giải.

Phương án hòa giải có thể :

+ Chấp thuận yêu cầu của bên có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động nếu yêu cầu đó đúng.

+ Nếu yêu cầu của bên có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động sai thì hòa giải để hủy bỏ yêu cầu của mình.

+ Đưa ra một phương án trung gian để hai bên có thể chấp nhận được.

Điều 11.- Sau khi đưa ra phương án hòa giải, hòa giải viên phải định ngày tổ chức hòa giải và thông báo cho các bên tranh chấp trước 7 ngày kể cả người làm chứng (nếu cần thiết).

Điều 12.- Tại phiên họp hòa giải tranh chấp lao động, Hội đồng hòa giải lao động cơ sở tiến hành các bước sau :

+ Kiểm tra sự có mặt của các bên tranh chấp. Trường hợp các bên tranh chấp cử người đại diện được ủy quyền thì phải kiểm tra giấy ủy quyền. Nếu các bên không cử người đại diện, hoặc cử người không có giấy ủy quyền thì hướng dẫn cho các bên làm đúng thủ tục, hoãn phiên họp sang thời gian khác và có thông báo cho các bên.

+ Sau khi kiểm tra sự có mặt của các bên, nếu các bên có mặt đầy đủ (hoặc có thể có thành viên Hội đồng vắng mặt nhưng phải có ý kiến ủy quyền) thì Hội đồng hòa giải tiến hành công việc :

* Tuyên bố lý do, đọc đơn của bên có yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động.

* Bên người lao động trình bày.

* Bên người sử dụng lao động trình bày.

* Hội đồng hòa giải chất vấn các bên, yêu cầu các bên cung cấp các chứng cứ, nhân chứng phát biểu.

+ Hội đồng hòa giải lao động cơ sở căn cứ vào pháp luật, văn bản có liên quan, các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên, phân tích đánh giá vụ việc nêu những quan điểm đúng sai của các bên và đưa ra phương án hòa giải.

+ Nếu các bên chấp nhận phương án hòa giải thì Hội đồng hòa giải lao động cơ sở lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch. Thư ký Hội đồng hòa giải lao động cơ sở, của các bên tranh chấp và sao gởi cho các bên tranh chấp để thực hiện. Các bên tranh chấp có nghĩa vụ chấp hành các thỏa thuận đã đạt được ghi trong biên bản hòa giải thành.

+ Nếu các bên không chấp nhận phương án hòa giải thì Hội đồng hòa giải lao động cơ sở lập biên bản hòa giải không thành, ghi rõ ý kiến của các bên, biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch, Thư ký Hội đồng hòa giải lao động cơ sở, các

bên tranh chấp và sao gửi cho các bên tranh chấp trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày hòa giải không thành. Hội đồng hòa giải lao động cơ sở hướng dẫn cho các bên biết quyền của mình được đưa ra Tòa án nhân dân cấp huyện giải quyết (nếu là tranh chấp lao động cá nhân) hoặc đưa ra Hội đồng trọng tài lao động thành phố giải quyết (nếu là tranh chấp lao động tập thể).

Hội đồng hòa giải lao động cơ sở có trách nhiệm chuyển hồ sơ vụ tranh chấp lên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo yêu cầu của các bên tranh chấp.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13.- Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và sẽ điều chỉnh bổ sung khi Chính phủ có văn bản hướng dẫn chính thức.

Điều 14.- Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và xã hội, Chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố có trách nhiệm hướng dẫn các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố thành lập Hội đồng hòa giải lao động cơ sở.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

